

## DANH MỤC ĐỀ XUẤT THUỐC TẠI CÁC KHOA

TT	Tên hoạt chất	Hàm lượng/ Nồng độ	Đường dùng, dạng dùng	ĐVT
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)
<b>1. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP</b>				
<b>1.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid</b>				
1	Celecoxib	100mg	Uống	Viên
		200mg	Uống	Viên
2	Diclofenac	75mg	Uống	Viên
3	Etoricoxib	60mg	Uống	Viên
		90mg	Uống	Viên
		120mg	Uống	Viên
4	Ibuprofen	600mg	Uống	Viên
5	Indomethacin	25mg	Uống	Viên
6	Lornoxicam	4mg	Uống	Viên
7	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên
8	Nefopam hydroclorid	30mg	Uống	Viên
9	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên
10	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	Uống	Viên
11	Paracetamol + ibuprofen	325mg + 200mg	Uống	Viên
12	Paracetamol + tramadol	325mg + 37,5mg	Uống	Viên
13	Tramadol	100mg	Uống	Viên
<b>1.2. Thuốc điều trị gút</b>				
14	Allopurinol	300mg	Uống	Viên
15	Colchicin	1mg	Uống	Viên
<b>1.3. Thuốc chống thoái hóa khớp</b>				
16	Acid hyaluronic	32mg/2ml	Tiêm	Ống
		32mg	Tiêm	Ống
17	Diacerein	50mg	Uống	Viên
18	Glucosamin	1500IU	Uống	Viên
		1500IU	Uống	Gói
		295mg	Uống	Viên
19	Glucosamin sulfate	1500mg	Uống	Gói
20	Glucosamin, Fish oil	500mg + 500mg	Uống	Viên
<b>1.4. Thuốc khác</b>				
21	Alendronat	70mg	Uống	Viên
22	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri trihydrat); Cholecalciferol (Vitamin D3)	70mg, 140mcg	Uống	Viên
23	Alpha chymotrypsin	5mg	Uống	Viên
24	Risedronat	35mg	Uống	Viên
25	Zoledronic acid	5mg/100ml	Tiêm	Chai

<b>2. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DỪNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MÃN</b>				
26	Bilastine	20mg	Uống	Viên
27	Cetirizin	10mg	Uống	Viên
28	Desloratadin	5mg	Uống	Gói
29	Ebastin	10mg	Uống	Viên
30	Fexofenadin	60mg	Uống	Viên
		180mg	Uống	Viên
31	Levocetirizin	5mg	Uống	Viên
		10mg	Uống	Viên
32	Loratadin	10mg	Uống	Viên
<b>3. THUỐC CHỐNG CO GIẬT, CHỐNG ĐỘNG KINH</b>				
33	Gabapentin	300mg	Uống	Viên
		400mg	Uống	Viên
34	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên
35	Magnesi valproat	200mg	Uống	Viên
36	Phenytoin	100mg	Uống	Viên
37	Pregabalin	75mg	Uống	Viên
		300mg	Uống	Viên
38	Valproat natri	20mg/ml-40ml	Uống	Chai/Lọ
		500mg	Uống	Viên
<b>4. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN</b>				
<b>4.1. Chống nhiễm khuẩn</b>				
<b>4.1.1 Thuốc nhóm beta-lactam</b>				
39	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên
		500mg + 62,5mg	Uống	Viên
40	Cefalexin	500mg	Uống	Viên
41	Cefdinir	300mg	Uống	Viên
42	Cefixim	200mg	Uống	Viên
43	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên
44	Meropenem*	1g	Tiêm	Lọ
<b>4.1.2. Thuốc nhóm aminoglycosid</b>				
45	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	3,5g	Tra mắt	Tuýp
46	Tobramycin + dexamethason	5ml	Nhỏ tại, nhỏ mắt	Chai/lọ
<b>4.1.3. Thuốc nhóm nitroimidazol</b>				
47	Metronidazol	250mg	Uống	Viên
<b>4.1.4. Thuốc nhóm macrolid</b>				
48	Azithromycin	500mg	Uống	Viên
49	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên
50	Erythromycin	500mg	Uống	Viên
51	Spiramycin	500mg	Uống	Viên
52	Tretinoin + erythromycin		Dùng ngoài	Tuýp
<b>4.1.5. Thuốc nhóm quinolon</b>				
53	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên

54	Ciprofloxacin	0,3% - 5ml	Nhỏ tai	Chai/Lọ
55	Ciprofloxacin + Dexamethason		Nhỏ tai	Chai/Lọ
56	Levofloxacin	250mg	Uống	Viên
		500mg	Uống	Viên
57	Levofloxacin	0,5% - 5ml	Nhỏ mắt	Lọ
58	Moxifloxacin	400mg	Uống	Viên
59	Ofloxacin	0,3%-5ml	Nhỏ mắt	Lọ
<b>4.1.6. Thuốc nhóm tetracyclin</b>				
60	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên
61	Minocyclin	50mg	Uống	Viên
<b>4.1.7. Thuốc khác</b>				
62	Linezolid*	600mg	Uống	Viên
63	Fosfomicin*	500mg	Uống	Viên
64	Fosfomicin*	300mg	Nhỏ tai	Chai/lọ
<b>4.2. Thuốc chống vi rút</b>				
65	Acyclovir	5g	Dùng ngoài	Tuýp
66	Acyclovir	800mg	Uống	Viên
<b>4.3. Thuốc chống nấm</b>				
67	Ciclopiroxolamin	20g	Dùng ngoài	Tuýp
68	Clotrimazol	1% - 15ml	Nhỏ tai	Chai/Lọ
69	Griseofulvin	500mg	Uống	Viên
70	Itraconazole	100mg	Uống	Viên
		200mg	Uống	Viên
71	Ketoconazol	2%-10g	Dùng ngoài	Tuýp
72	Miconazol nitrate		Dùng ngoài	Tuýp
73	Natamycin	0,5%-5ml	Nhỏ mắt	Lọ
74	Terbinafin (hydroclorid)	250mg	Uống	Viên
75	Terbinafin (hydroclorid)	15g	Dùng ngoài	Tuýp
<b>5. THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐAU NỬA ĐẦU</b>				
76	Flunarizin	5mg	Uống	Viên
<b>6. THUỐC ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH</b>				
77	Thymomodulin	120mg	Uống	Viên
<b>7. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐƯỜNG TIẾT NIỆU</b>				
78	Alfuzosin	10mg	Uống	Viên
79	Bột hạt Malva 250mg, Xanh methylene 25mg, Camphor monobromid 20mg	250mg + 25mg + 20mg	Uống	Viên
80	Dutasterid	0,5mg	Uống	Viên
81	Solifenacin succinate	5mg	Uống	Viên
<b>8. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU</b>				
<b>8.1. Thuốc chống thiếu máu</b>				
82	Ion Sắt + Acid Folic		Uống	Viên
83	Sắt protein succinylat	800mg	Uống	Viên
<b>8.2 Máu và chế phẩm máu</b>				
84	Albumin	20%-100ml	Tiêm truyền	Chai

	<b>8.3. Thuốc khác</b>			
85	Epoetin	2000IU	Tiêm	Ống
	<b>9. THUỐC TIM MẠCH</b>			
	<b>9.1. Thuốc chống đau thắt ngực</b>			
86	Isosorbid-5-mononitrate	30mg	Uống	Viên
87	Trimetazidin	35mg	Uống	Viên
	<b>9.2. Thuốc điều trị tăng huyết áp</b>			
88	Amlodipin	5mg	Uống	Viên
89	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besylate), Valsartan	5mg/80mg	Uống	Viên
90	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên
91	Enalapril	5mg	Uống	Viên
		10mg	Uống	Viên
92	Losartan	100mg	Uống	Viên
93	Nebivolol	5mg	Uống	Viên
94	Nifedipin	60mg	Uống	Viên
		30mg	Uống	Viên
95	Telmisartan	40mg	Uống	Viên
96	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên
97	Valsartan	80mg	Uống	Viên
98	Valsartan + Sacubitril	50mg	Uống	Viên
		100mg	Uống	Viên
		200mg	Uống	Viên
	<b>9.3. Thuốc chống huyết khối</b>			
99	Acetylsalicylic acid	81mg	Uống	Viên
		500mg	Uống	Viên
100	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên
101	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên
		20mg	Uống	Viên
	<b>9.4. Thuốc hạ lipid máu</b>			
102	Atorvastatin	10mg	Uống	Viên
		20mg	Uống	Viên
103	Fenofibrat	160mg	Uống	Viên
		200mg	Uống	Viên
104	Rosuvastatin	10mg	Uống	Viên
		20mg	Uống	Viên
105	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	Uống	Viên
106	Simvastatin + ezetimibe	10mg + 10mg	Uống	Viên
	<b>10. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU</b>			
107	Adapalen	10g	Dùng ngoài	Tuýp
108	Adapalen + Benzoyl peroxid	15g	Dùng ngoài	Tuýp
109	Betamethason dipropionat	30g	Dùng ngoài	Tuýp
110	Betamethason dipropionat + acid salicylic	0,0075mg + 0,45mg	Dùng ngoài	Tuýp

111	Calcipotriol	30g	Dùng ngoài	Tuýp
112	Calcipotriol + betamethason dipropionat	15g	Dùng ngoài	Tuýp
113	Capsaicin	100g	Dùng ngoài	Tuýp
114	Clobetasol propionat	15g	Dùng ngoài	Tuýp
115	Diethylphtalat 9,5g	9,5g	Dùng ngoài	Lọ
116	Fusidic acid	15g	Dùng ngoài	Tuýp
117	Fusidic acid + Hydrocortison	15g	Dùng ngoài	Tuýp
118	Fusidic acid Betamethasone	15g	Dùng ngoài	Tuýp
119	Isotretinoin	10mg	Uống	Viên
		20mg	Uống	Viên
120	Luru huỳnh	5%	Dùng ngoài	Lọ
121	Mupirocin	5g	Uống	Viên
122	Minoxidil	3%-60ml	Xịt tóc	Chai
123	Nước oxy già đậm đặc	6,03g/60ml	Dùng ngoài	Lọ
124	Retinal + Salicylic acid + Glycolic acid	15g	Dùng ngoài	Tuýp
125	Tacrolimus	0,03%-10g	Dùng ngoài	Tuýp
		0,1%-10g	Dùng ngoài	Tuýp
126	Tretinoin	0,03%	Dùng ngoài	Tuýp
		0,05%	Dùng ngoài	Tuýp
127	Urea	10%-20g	Dùng ngoài	Tuýp
128	Urea + Vitamin E + Lô hội	50g	Dùng ngoài	Tuýp
129	Xanh methylen	20ml	Dùng ngoài	Lọ
<b>11. THUỐC TẨY TRÙNG VÀ SÁT KHUẨN</b>				
130	Đồng sulfat, kẽm sulfat, oxyd kẽm, long não racemic	20g	Dùng ngoài	Lọ
131	Ethanol 96%	56,25ml/60ml	Dùng ngoài	Chai
132	Kali permanganat (pha nước tắm)	1g	Dùng ngoài	Gói
133	Natri clorid	0,9%-10ml	Dùng ngoài	Lọ/ Chai
134	Natri clorid	0,9%	Dùng ngoài	Chai
135	Povidon iodin	2g/20ml	Dùng ngoài	Chai
		9g/90ml	Dùng ngoài	Chai
136	Polyhexamethylene biguanide, Betadine, nước cất	350mg	Dùng ngoài	Chai
<b>12. THUỐC LỢI TIỂU</b>				
137	Furosemid	40mg	Uống	Viên
138	Furosemid + spironolacton	50mg+20mg	Uống	Viên
139	Spironolacton	25mg	Uống	Viên
<b>13. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA</b>				
<b>13.1. Thuốc kháng acid và các thuốc chống loét khác tác dụng trên đường tiêu hóa</b>				
140	Aluminum phosphat	20%	Uống	Gói

141	Aluminum Hydroxide, Magnesi Hydroxide, Simethicone	10ml	Uống	Gói
142	Bismuth oxyd (dưới dạng Tripotassium dicitrato Bismuthat (TDB))	120mg	Uống	Viên
143	Famotidin	40mg	Uống	Viên
144	Guaiazulen + dimethicon	4mg+3000mg	Uống	Gói
145	Nhôm oxyd (dưới dạng nhôm hydroxyd); Magnesi hydroxyd; Simethicon	400mg; 800mg; 80mg	Uống	Gói
146	Omeprazol	40mg	Uống	Viên
147	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên
		20mg		
148	Pantoprazol	40mg	Uống	Viên
<b>13.2. Thuốc chống nôn</b>				
149	Domperidon	10mg	Uống	Viên
150	Metoclopramid	10mg	Uống	Viên
151	Ondansetron	8mg/2ml	Tiêm	Ống
<b>13.3. Thuốc chống co thắt</b>				
152	Alverin citrat	40mg	Uống	Viên
153	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên
154	Mebeverin hydroclorid	200mg	Uống	Viên
155	Papaverin hydroclorid		Tiêm	
<b>13.4. Thuốc tẩy, nhuận tràng</b>				
156	Lactulose	667g/l	Uống	Gói
157	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	19g + 7g	Thụt hậu môn/ trực tràng	Chai
158	Sorbitol	5g	Uống	Gói
<b>13.5. Thuốc điều trị tiêu chảy</b>				
159	Bacillus clausii	2 tỷ - 5ml	Uống	Ống
160	Diosmectit	3g	Uống	Gói
161	Loperamid	2mg	Uống	Viên
<b>13.6. Thuốc điều trị tiêu chảy</b>				
162	Diocahedral smectit	3g	Uống	Gói
163	Diosmectit	3g	Uống	Gói
<b>13.7. Thuốc điều trị trĩ</b>				
164	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên
<b>13.8. Thuốc khác</b>				
165	Itoprid	50mg	Uống	Viên
166	L-Ornithin L-Aspartat	250mg	Uống	Viên

167	Sodium alginate, Calcium bicarbonate, Sodium bicarbonat	20mg	Uống	Viên
168	Silymarin	140mg	Uống	Viên
<b>14. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT</b>				
<b>14.1. Hocmon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế</b>				
169	Betamethasone dipropionate; Betamethasone disodium phosphate		Tiêm	Ống
170	Dexamethason	4mg/ml	Tiêm	Ống
171	Dexamethason phosphat + Neomycin		Nhỏ tai	Chai/Lọ
172	Hydrocortison	10mg	Uống	Viên
173	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên
		4mg	Uống	Viên
174	Mometason furoat	0,05%	Xịt mũi	Bình/ Chai/ Lọ
175	Prednisolon acetat	5mg	Uống	Viên
176	Triamcinolon acetonid	80mg/2ml	Tiêm	Ống
<b>14.2. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết</b>				
177	Gliclazid	30mg	Uống	Viên
		60mg	Uống	Viên
178	Metformin	850mg	Uống	Viên
		1000mg	Uống	Viên
<b>15. THUỐC LÀM MỀM CƠ VÀ ỨC CHẾ CHOLINESTERASE</b>				
179	Baclofen	10mg	Uống	Viên
		25mg	Uống	Viên
180	Eperison	50mg	Uống	Viên
181	Tolperison hydroclorid	150mg	Uống	Viên
<b>16. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT, TAI MŨI HỌNG</b>				
<b>16.1. Thuốc điều trị bệnh mắt</b>				
182	Acetazolamid	250mg	Uống	Viên
183	Brinzolamid	1% - 5ml	Nhỏ mắt	Lọ
184	Brinzolamid + timolol	5ml	Nhỏ mắt	Lọ
185	Bromfenac	0,1% - 5ml	Nhỏ mắt	Lọ
186	Carbomer	0,2% - 10g	Tra mắt	Tuýp
187	Fluorometholon	0,1% - 5ml	Nhỏ mắt	Lọ
188	Indomethacin	0,1% - 5ml	Nhỏ mắt	Lọ
189	Kali iodid + natri iodid	(3mg + 3mg);10ml	Nhỏ mắt	Lọ
190	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	0,5%-15ml	Nhỏ mắt	Lọ

191	Natri clorid	0,9%-5ml	Nhỏ mắt	Lọ
192	Natri hyaluronat	0,1%-5ml	Nhỏ mắt	Lọ
193	Olopatadin hydroclorid	0,2%-3ml	Nhỏ mắt	Lọ
194	Pirenoxin	5ml	Nhỏ mắt	Lọ
<b>16.2. Thuốc tai- mũi- họng</b>				
195	Acid Acetic	2% - 10ml	Nhỏ tai	Lọ
196	Betahistin	24mg	Uống	Viên
197	Cồn boric	1%	Nhỏ tai	Chai/Lọ
198	Fluticason furoat		Xịt mũi	Bình/ Chai/ Lọ
199	Naphazolin	7,5mg-15ml	Nhỏ mũi	Chai/Lọ
200	Xylometazolin	0,1%-10ml	Nhỏ mũi, phun mù	Bình/ Chai/ Lọ
<b>17. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH</b>				
<b>17.1. Thuốc an thần</b>				
201	Diazepam	5mg	Uống	Viên
<b>17.2. Thuốc chống rối loạn tâm thần</b>				
202	Clonazepam	2mg	Uống	Viên
203	Olanzapin	5mg	Uống	Viên
204	Risperidon	1mg	Uống	Viên
<b>17.3. Thuốc chống trầm cảm</b>				
205	Sertralin	50mg	Uống	Viên
<b>17.4 Thuốc tác động lên hệ thần kinh</b>				
206	Acetyl leucin	500mg	Uống	Viên
207	Choline alfoscerat	800mg	Uống	Viên
208	Citicolin	100mg/ml	Uống	Chai
209	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin		Tiêm	Ống
		5mg + 1,33mg	Uống	Viên
210	Galantamin	4mg	Uống	Viên
		5mg	Uống	Viên
		5mg/ml	Tiêm	Ống
211	Mecobalamin	500mcg	Uống	Viên
212	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	10ml	Tiêm	Ống
213	Piracetam	1200mg	Uống	Viên
<b>18. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP</b>				
<b>18.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính</b>				
214	Budesonid	64mcg	Xịt mũi	Bình/ Chai/ Lọ

215	Natri montelukast	10mg	Uống	Viên
216	Salbutamol + ipratropium	2,5mg+0,5mg	Khí dung	Ống
217	Salmeterol + fluticason propionat	25mcg + 125mcg	Khí dung, dạng hít	Bình xịt
<b>18.2. Thuốc chữa ho</b>				
218	Ambroxol hydrochloride	30mg	Uống	Viên
219	Bromhexin hydroclorid	8mg	Uống	Viên
220	Codein + terpin hydrat	100mg	Uống	Viên
221	Dextromethorphan hydrobromid	15mg	Uống	Viên
222	Dextromethorphan HBr; Chlorpheniramin maleat; Natri citrat dihydrat; Guaifenesin (Glyceryl guaiacolat)	30mg; 7,98mg; 798mg; 300mg	Uống	Chai
223	Eprazinone dihydrochloride	50mg	Uống	Viên
224	N-acetylcystein	200mg	Uống	Viên
<b>19. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC</b>				
<b>19.1. Thuốc uống</b>				
225	Kali clorid	500mg	Uống	Viên
<b>19.2. Thuốc tiêm truyền</b>				
226	Glucose	10%	Tiêm truyền	Chai
<b>19.3. Thuốc khác</b>				
227	Nước cất pha tiêm	250ml	Tiêm	Chai
<b>20. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN</b>				
228	Calci (dưới dạng calci carbonat và calci gluconolactat)	500mg	Uống	Viên
229	Calci carbonat	1250mg	Uống	Viên
230	Calci glubionat + Calci lactobionat		Uống	Ống
231	Calci gluconat + Vitamin D3	500mg	Uống	Viên
232	Hydroxyapatite - Calci tự nhiên, Vitamin D3, Vitamin K1		Uống	Viên
233	L – Isoleucine; L – Leucine; L – Lysine hydroclorid; L – Methionine; L – Phenylalanine; L – Threonine; L – Tryptophan; L – Valine; L – Histidine hydrochloride hydrate	203,9mg; 320,3mg; 291,0mg; 320,3mg; 320,3mg; 145,7mg; 72,9mg; 233,0mg; 216,2mg	Uống	Gói

234	Lutein + Zeaxanthin + Vitamin A + Vitamin E		Uống	Viên
235	Lutein + Zeaxanthin + Vitamin A + Vitamin E + Vitamin C + Zn + Protein		Uống	Viên
236	Nicotinamid	500mg	Uống	Viên
237	Vitamin A	5000UI	Uống	Viên
238	Vitamin A (Retinol acetat); Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid); Vitamin B2 (Riboflavin); Vitamin B5 (Canxi pantothenat); Vitamin B6 (Pyridoxin HCl); Vitamin PP (Nicotinamid); Vitamin E (Alpha tocopherol acetat)	1500IU; 2,5mg; 2,5mg; 2,5mg; 0,75mg, 12,5mg, 5mg	Uống	Viên
239	Vitamin B1 (Thiamin HCl)	250mg	Uống	Viên
240	Vitamin B1 (Thiamin nitrat)	250mg	Uống	Viên
241	Vitamin B1 + B6 + B12		Uống	Viên
242	Vitamin B12		Uống	Viên
243	Vitamin B12		Tiêm	Lọ
244	Vitamin B6 + magnesi lactat	10mg + 940mg	Uống	Viên
		470mg + 5mg	Uống	Viên
245	Vitamin C	1g	Uống	Viên
246	Vitamin C + Rutin		Uống	Viên
247	Vitamin E	400UI	Uống	Viên
248	Vitamin H (B8) + B5	5mg + 100mg	Uống	Viên
249	Vitamin K1	10mg/ml	Uống	Ống
250	Vitamin PP	500mg	Uống	Viên

## DANH MỤC ĐỀ XUẤT THUỐC DƯỢC LIỆU, VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

STT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Tên thuốc	Đơn vị tính	Đường dùng, dạng dung
1	Bạch linh 432mg, Bạch truật 268mg, Đảng sâm 250mg, Bán hạ chế 216mg, Sa nhân 173mg, Cam thảo 151mg, Trần bì 147mg, Mộc hương 91mg, Gừng tươi 22mg	Hương sa lục quân	Viên	Uống
2	Bạch truật 275mg, Đảng sâm 413mg, Phục linh 220mg, Cam thảo 220mg, Đương quy 275mg, Xuyên khung 220mg, Bạch thược 275mg, Thục địa 413mg, Hoàng kỳ 413mg, Quế vỏ 275mg	Thập toàn đại bổ	Viên	Uống
3	Berberin clorid; Cao đặc quy về khan: rễ Mộc hương; quả Ngô thù du; rễ Bạch thược; bột mịn rễ Mộc hương	Viên đại tràng inberco	Viên	Uống
4	Bột mịn Phục linh, Trạch tả, Thục địa, Mẫu đơn bì (Vỏ rễ), Sơn thù, Hoài sơn	Kidneyton	Viên	Uống
5	Cao bình vôi	Viên an thần - Mimosa	Viên	Uống
6	Cao đặc Đinh lăng 300mg tương đương 1500mg Đinh lăng; Cao khô bạch quả 100mg	Op.Brain	Viên	Uống
7	Cao đinh lăng, cao bạch quả	Hoạt huyết dưỡng não	Viên	Uống
8	Cao khô Bacopa monnieri	Branin	Viên	Uống
9	Cao khô Trinh nữ hoàng cung 80mg; Hoàng bá; Ích mẫu; Đào nhân; Trạch tả	Tadimax	Viên	Uống
10	Diệp hạ châu	Pylantin diệp hạ châu	Viên	Uống
11	Đương qui (tẩm rượu) 12g, Bạch thược 12g, Bạch linh 12g, Xuyên khung 6-8g, Đại táo 2 quả, Đảng sâm 12g, Bạch truật (sao) 12g, Thục địa 12g, Chích thảo 2-4g, Sinh khương 2-3 lát	Bát trân	Viên	Uống

12	Hải sâm 200mg	Haisamin	Viên	Uống
13	Hoàng kỳ 733mg, Cam thảo 733mg, Bạch trạch 250mg, Trần bì 250mg, Thăng ma 250mg, Sài hồ 250mg, Đương quy 195mg, Nhân sâm 195mg, Đại táo 167mg, Sinh khương 83mg	Bổ trung ích khí	Viên	Uống
14	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược	Hộ não tâm vận xuân	Viên	Uống
15	Húng chanh; Núc nác; Cineol	HoAstex	Chai	Uống
16	Hy thiêm; Ngũ gia bì; Tam thất; bột Mã tiền chế	Fengshi	Viên	Uống
17	Kim ngân hoa 267mg, Liên kiều 267mg, Bạc hà 160mg, Kinh giới 107mg, Đạm đậu sị 133mg, Ngưu bàng tử 160mg, Cát cánh 160mg, Đạm trúc diệp 107mg, Cam thảo 133mg	Ngân kiều giải độc	Viên	Uống
18	Kim ngân hoa 300mg, Bồ công anh 300mg, Nhân trần tía 300mg, Nghệ 200mg, Thương nhĩ tử 150mg, Sinh địa 150mg, Cam thảo 50mg	Viên thanh huyết	Viên	Uống
19	Kim tiền thảo	Desmodin Kim tiền thảo	Viên	Uống
20	Liên nhục 175mg; Bá tử nhân 91mg; Lá vông nem 91mg; Long nhãn 91mg; Tang diệp 91mg; Toan táo nhân 91mg; Liên tâm 15mg	Dưỡng tâm an thần	Viên	Uống
21	Mật nghệ	Cholapan	Viên	Uống
22	Menthol 24mg; Eucalyptol 24mg; Camphor 24mg	Euca - OPC	Viên	Uống
23	Quả Thương nhĩ tử; nụ Tân di hoa; rễ Phòng phong; thân rễ Bạch trạch; rễ Hoàng kỳ; Bạc hà; rễ Bạch chỉ	Rhinassin	Viên	Uống
24	Tỏi nghệ	Garlicap	Viên	Uống

25	Trần bì 12g, Hậu phác 12g, Thương truật 12g, Cam thảo 6g	Bình vị tán	Viên	Uống
26	Tỳ bà diệp; Cát cánh; Bách bộ; Tiền hồ; Tang bạch bì; Thiên môn; Phục linh/Bạch linh; Cam thảo; Hoàng cầm; Menthol; Cineol	Thuốc ho người lớn	Chai	Uống
27	Xích thược, Địa long, Đào nhân, Hồng hoa, Xuyên khung, Bạch thược, Nhân sâm, Đương quy, Hoàng kỳ	Bổ khí thông huyết	Viên	Uống

## DANH MỤC ĐỀ XUẤT CÁC SẢN PHẨM KHÁC KHÔNG PHẢI THUỐC

TT	Tên hoạt chất	Tên sản phẩm	Hàm lượng/ Nồng độ	Đường dùng, dạng dùng	ĐVT
1	Chlorhexidine Digluconate 0,2%	Medoral	0,2% - 250ml	Súc họng	Chai/Lọ
2	Climbazol, Acid Salicylic, ...	Dầu gội Rudondo New 120ml		Dùng ngoài	Chai
3	Copolymer 2-hydroxyethyl methacrylate (HEMA- HAS), Macrogol 300	Healit 5mg	5mg	Dùng ngoài	Tuýp
4	Eucalyptol	Dầu khuynh diệp OPC	12,44g	Dùng ngoài	Chai
5	Dung dịch đẳng trương gồm Nước biển không pha loãng, các nguyên tố vi lượng	Humer		Xịt mũi	Bình/Chai/Lọ
6	Dung dịch điện hóa thành phần chính:H <sub>2</sub> O, NaCl, HClO, H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> , O <sub>3</sub> , HO <sub>2</sub> , *OH, ClO <sub>2</sub>	Suporan 500ml		Dùng ngoài	Chai
7	Eosine	Eosine	2%	Dùng ngoài	Lọ
8	Fructo Oligosaccharide (FOS): 2000mg	Safvex	2000mg	Uống	Gói
9	Fuchsine basique Phenol	Castellani	17ml	Dùng ngoài	Lọ
10	Hyaluronic acid sodium salt	Hyalo 4 Gel	30mg	Dùng ngoài	Tuýp
11	Hydroquinone 4%	Hydroquinone 4%	4%-15g	Dùng ngoài	Tuýp
12	L-Cystein	L-Cystein	500mg	Uống	Viên
13	Nano Curcumin, Gừng, Glucosamine, Chondroitin sulfate	Inflapain	750mg	Uống	Viên
14	Nano Curcumin, Tinh dầu khuynh diệp	Inflapain		Dùng ngoài	Tuýp
15	Nattokinase enzyme	Nattokinase USA	3000FU	Uống	Viên

16	Neem oil (Oleum Azadirachtae), St. John's oil (Oleum Hyperici), propane, butane	Wound Spray 10ml	10ml	Dùng ngoài	Chai
17	Nước biển sâu (muối, khoáng chất Cu <sup>2+</sup> , Zn <sup>2+</sup> , ...) + tinh dầu: khuynh diệp, bạc hà, camphor	Xisat		Xịt mũi	Chai
18	Nước biển sâu ưu trương, NaCl 2,4%, các nguyên tố vi lượng Cu <sup>2+</sup> , Zn <sup>2+</sup>	Xypenat		Xịt mũi	Chai
19	Purified water, Sodium chloride, Hypochlorous acid, Sodium hypochloride, Ozone, Hydroperoxyl, Singlet oxygen, Polyacrylate Crosspolymer-6, EDTA	Hemin gel		Dùng ngoài	Tuýp
20	Tropocollagen	Guna Collagen	2ml	Tiêm	Lọ
21	Vaseline	Vaseline pure	10g	Dùng ngoài	Tuýp

## DANH MỤC ĐỀ XUẤT VẬT TƯ - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị - vật tư</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Ghi chú</b>
1	MD - Ischial	Lọ	Phục vụ Kỹ thuật thủy châm
2	MD - Knee	Lọ	Phục vụ Kỹ thuật thủy châm
3	MD - Shoulder	Lọ	Phục vụ Kỹ thuật thủy châm
4	MD - Neural	Lọ	Phục vụ Kỹ thuật thủy châm
5	MD - Muscle	Lọ	Phục vụ Kỹ thuật thủy châm
6	MD - Tissue	Lọ	Phục vụ Kỹ thuật thủy châm
7	MD - Lumbar	Lọ	Phục vụ Kỹ thuật thủy châm
8	Bơm tiêm 3ml	Cây	Phục vụ Kỹ thuật thủy châm
9	Chỉ BIO 25G	Cây	Phục vụ Kỹ thuật cấy chỉ
10	Chỉ BIO 30G	Cây	Phục vụ Kỹ thuật cấy chỉ
11	Chỉ Vline 29G	Cây	Phục vụ Kỹ thuật cấy chỉ
12	Chỉ Vline 31G	Cây	Phục vụ Kỹ thuật cấy chỉ
13	Urgotul dạng lưới 15x20cm (Hydeocolloid, Vaseline)	Miếng	